TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2024/QĐST-HNGĐ	*Trà Ôn, ngày 12 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hậu C, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Hậu C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hồng Lan A, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 01/10/2012 cho chị Trần Thị Cẩm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hậu C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đ/01 con (hai triệu năm trăm ngàn đồng trên một con) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Thời điểm bắt đầu nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm T tự nguyện nộp tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Nguyễn Hậu C là 150.000đ, cộng chung là 300.000đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011269 ngày 12/4/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Trần Thị Cẩm T đã nộp đủ.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Trà Côn, huyện Trà Ôn
(Giấy CNKH số 106 ngày 25/9/2006);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Luân